

Bản án số: 21/2026/HS-ST

Ngày: 17/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Huy Phương; bà Trịnh Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND khu vực 12 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 05/12/1975, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Số CCCD: 038075011397; Ngày cấp: 25/12/2020; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; **Bố: Nguyễn Xuân B** (Đã chết); **Mẹ: Dương Thị T1**, sinh năm 1947; **Vợ: Lê Thị T2**, sinh năm 1987 (ly hôn năm 2023), 01 con sinh năm 2007; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1994, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo;

- Năm 1995, bị TAND huyện Cẩm Thủy xử phạt 12 tháng tù;

- Năm 1998, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 21 tháng tù giam;

- Ngày 09/4/2002, bị TAND huyện Cẩm Thủy xử phạt tù có thời hạn 36 tháng về tội “trộm cắp tài sản”.

- Ngày 15/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 02/02/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 13/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xử phạt 07 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 05/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam C. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 18/11/2025, Nguyễn Văn T có đem theo ma túy trong người, điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 36-K5 555.55 đi đến nhà anh Phạm Ngọc T3, trú tại thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa để chơi. Đến khoảng 11 giờ, có Tổ công tác Công an xã C đến nhà anh T3 để kiểm tra hộ khẩu. Thấy có lực lượng Công an đến và yêu cầu kiểm tra, T đã bỏ chạy rồi trèo qua bờ tường nhà anh T3 chạy ra đường bê tông nội thôn, vừa chạy T vừa lấy từ trong người ném ra đường A (một) lọ thủy tinh. Ngay lúc đó T bị lực lượng Công an khống chế bắt giữ. Quá trình bắt giữ, tài không hợp tác, liên tục chống đối lực lượng Công an thực hiện nhiệm vụ. Cơ quan Công an đã phát hiện và thu giữ trong túi áo của Nguyễn Văn T 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu xanh, bên trong lọ có chứa 13 gói ni lon, bên trong các gói ni lon đều có chứa cục chất bột màu trắng và thu 01 lọ thủy tinh (dưới đất ngay cạnh người chỗ Nguyễn Văn T bị khống chế), bên trong có chứa 30 viên nén hình tròn, trên các viên nén đều có ký hiệu chữ "WY", trong đó có 29 viên nén màu đỏ và 01 viên nén màu xanh. Tổ công tác Công an xã C đã thu giữ toàn bộ số tang vật trên và đưa T về trụ sở Cơ quan Công an xã C, tỉnh Thanh Hóa để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và lập biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 4479/KL-KTHS, ngày 24/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- 29 viên nén hình tròn màu đỏ ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,907 (hai phẩy chín không bảy gam) loại Methamphetamine.

- 01 viên nén hình tròn màu xanh ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,094 (không phẩy không chín bốn gam) loại Methamphetamine.

- Các cục chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,735g (một phẩy bảy ba năm gam) loại Heroine.

Tổng các chất ma túy gồm: 3,001g (ba phẩy không không một gam) ma túy loại Methamphetamine và 1,735g (một phẩy bảy ba năm gam) ma túy loại Heroine.

Quá trình điều tra **Nguyễn Văn T** quanh co chối tội, không khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSKV12, ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, qua quá trình xét hỏi, thẩm vấn công khai tại phiên tòa, **Nguyễn Văn T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng truy tố. Bị cáo khai toàn bộ số ma túy Cơ quan Công an thu giữ là của bị cáo, nguồn gốc ma túy bị cáo có được là từ đầu năm 2021 bị cáo mua của một người đàn ông ở Hà Nội không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, không nhớ đặc điểm, mua bao tiền bị cáo cũng không nhớ. Sau khi mua được số ma túy đó bị cáo mang về nhà cất dấu, sau đó bị cáo bị bắt và đi chấp hành án về tội Trộm cắp tài sản. Mục đích bị cáo tàng trữ số ma túy trên là để sử dụng cá nhân, do bị cáo bị bệnh xương khớp, trái gió trở trời hay đau nên bị cáo dùng để giảm đau. Nay bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với mẹ già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Lên mức hình phạt đối với bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu được của bị cáo đã qua giám định; Trả lại cho bị cáo số tiền 155.000đ và 01 điện thoại di động thu của bị cáo; Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đen đỏ, BKS: 36-K5 555.55 (biển số giả), đề nghị chuyển cho Phòng CSGT - **Công an tỉnh T** xử lý theo quy định và buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Sáng ngày 18/11/2025, tại thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Công an xã C, tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 4,736g ma túy (trong đó: 3,001g ma túy loại Methamphetamine và 1,735g ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo khai mua của 1 người đàn ông ở Hà Nội từ năm 2021, không nhớ đặc điểm, không rõ họ tên địa chỉ cũng không nhớ địa điểm mua. Do đó, không có căn cứ để đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T điều tra mở rộng vụ án.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn, nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và bị Tòa án xét xử 08 lần, nay lại tiếp tục phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo không biết ăn năn hối cải mà còn cố tình quanh co chối tội, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để lên mức hình phạt đảm bảo khách quan, đúng pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Toàn bộ số ma túy thu được của bị cáo đã qua giám định là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 105.000đ thu của bị cáo, đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đen đỏ, BKS: 36-K5 555.55; Mặc dù không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng bị cáo không có giấy tờ chứng minh được mình là chủ sở hữu hợp pháp, mặt khác biển số mà bị cáo gắn vào chiếc xe trên là biển số giả. Hành vi gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp để tham gia giao thông của bị cáo đã vi phạm quy định tại điểm d, khoản 5, Điều 16, Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của

Chính phủ. Do đó, cần chuyển cho Phòng PC08 - Công an tỉnh T để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249. Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (18/11/2025). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật của vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy

- 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số 2008317, mép túi được dán kín bằng băng niêm phong màu đỏ, được niêm phong bởi các hình dấu đỏ "Công an tỉnh T * Phòng K" và các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh T4, Lại Thị Thanh L, Hà Văn A. Bên trong có chứa chất ma túy đã qua giám định;

- 01 (một) túi niêm phong, ký hiệu PS3, mã số 1082076, mép túi được dán kín bằng băng niêm phong màu đỏ, được niêm phong bởi các hình dấu đỏ "Công an tỉnh T * Phòng K" và các chữ ký ghi rõ họ tên Trần Thị Thúy H, Lê Thị Bích N, Dương Văn M. Bên trong có chứa mẫu vật đã qua giám định;

Giao cho Phòng PC08 - Công an tỉnh T để xử lý theo quy định của pháp luật 01 (một) xe mô tô, đặc điểm: màu đen đỏ, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe sirius, số khung: RLCS5C640CY746998, số máy: 5C64747010, BKS: 36K5-555.55 (xe đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, bị hư hỏng và thiếu nhiều bộ phận);

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì thư do Công an tỉnh T phát hành, trên phong bì ghi Số: “KLGD số 495/KL-KTHS ngày 15/01/2026”, được dán kín, niêm phong bằng các hình dấu đỏ "Công an tỉnh T * Phòng K" và các chữ ký ghi rõ họ tên Trần Thị H1, Nguyễn Quốc T5.

(Các tang vật trên hiện đang lưu kho tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2026).

Trả lại cho bị cáo số tiền 155.000đ, hiện đang được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư được dán kín, bên trong có 02 (hai) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) và 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng), ký hiệu "T1". (Số tiền này hiện đang được nhập kho lưu ký tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XI - Phòng G).

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Vũ Thị D